

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 5 – 2021

“Về tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Công Trọn

2. Ông Nguyễn Vũ Bằng

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2020/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Hồng D, sinh năm: 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn B (Huỳnh Việt Thái), sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Tạm trú: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 13/3/2020, chị Cao Hồng D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Văn B xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tình thân tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị D cho rằng vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Do đó, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị D xác định giữa chị và anh B không có con chung.
- Về tài sản chung: Chị D xác định vợ, chồng chị tự thỏa thuận.
- Về nợ chung: Chị D xác định vợ, chồng chị tự thỏa thuận.

* Trong đơn yêu cầu phân chia tài sản ngày 05/5/2020, chị D trình bày:

Tài sản chung của chị và anh B gồm: 01 chiếc xe Wave S trị giá 18.600.000đ; 01 lượng vàng 24K trị giá 44.000.000đ; tiền làm nhà yển cho người khác anh B lấy 225.000.000đ. Tổng số tiền anh B quản lý là 287.600.000đ; nợ tiền hụi chết là 90.000.000đ. Chị yêu cầu chia đôi số tài sản và số nợ với anh B.

* Trong đơn thay đổi yêu cầu ngày 26/3/2021 và tại phiên tòa, chị D xác định: Về khối tài sản chung và khoản nợ hụi chị đã bỏ tiền ra đóng hụi chết cho người khác, chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, sau này anh B không phân chia cho chị thì chị yêu cầu thành vụ kiện khác.

* Đối với anh Huỳnh Văn B, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia hòa giải và xét xử vụ án do anh B nhận trực tiếp và thông qua thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng anh B vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị D và anh B là tranh chấp về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của anh B: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia hòa giải và xét xử vụ án do anh B nhận trực tiếp và thông qua thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng anh B vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Cao Hồng D và anh Huỳnh Văn B xác lập quan hệ vợ, chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Xét mâu thuẫn thực tế giữa chị D và anh B là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ, chồng anh chị có nhiều điểm bất đồng, không hòa hợp nhau, thường xuyên cãi vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và

sinh hoạt riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau, cuộc sống không hạnh phúc nên chị D và anh B không còn sống chung vợ, chồng khoảng 02 năm nay. Thời gian này không ai liên lạc cho nhau để quan tâm, chia sẻ và tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh B là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị D xác định giữa chị và anh B không có con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị D không đặt ra yêu cầu phân chia nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị D không đặt ra yêu cầu hoàn lại nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Cao Hồng D về việc ly hôn anh Huỳnh Văn B (Huỳnh Việt Thái).

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không đặt ra yêu cầu.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị D phải chịu 300.000đ. Ngày 17 tháng 4 năm 2020, chị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 3476 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu. Án phí yêu cầu phân chia tài sản chị D đã nộp tạm ứng 3.595.000đ theo biên lai số: 3609 ngày 05/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Anh B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn S, huyện T;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải